

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 35766
	Giờ..... Ngày 26 tháng 10 năm 12

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP
CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính riêng
đã được soát xét**
*Giai đoạn tài chính bắt đầu từ
ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/09/2012.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lý Thanh Tùng	Thành viên
- Ông: Trương Tấn Lộc	Thành viên
- Ông: Trần Văn Thuộc	Thành viên
- Ông: Lê Văn Phước	Thành viên

Trong 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Trí Dũng	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Hà Nhơn Sâm	Thành viên
- Ông: Trịnh Hữu Phúc	Thành viên

Trong 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
- Ông: Lý Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông: Đỗ Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Xuân Điều	Kế toán trưởng

Trong 9 tháng đầu năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

Công ty CP Nông dược TSC (TSP);

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

6. Mã chứng khoán niêm yết tại HOSE: TSC

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng từ trang 6 đến trang 25.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các kết quả tài chính

- Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(49.170.670.902) VND
- Lỗ khác	(454.254) VND
- Tổng lỗ kế toán trước thuế	(49.171.125.156) VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	- VND
- Lợi nhuận sau thuế	(49.171.125.156) VND

Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2012 giảm mạnh so với 9 tháng đầu năm 2011 số tiền 383.756.405.052 đồng, tương đương 17,60%. Lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2012 cũng giảm mạnh so với 9 tháng đầu năm 2011 số tiền 76.415.491.342 đồng, tương đương 280,48%.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2012 bị lỗ là do những bất ổn và khó khăn về kinh tế nói chung và chính sách tiền tệ nói riêng của tình hình kinh tế thế giới. Thêm vào đó giá tồn kho cũng như nhập mua phân bón trong kỳ cao, trong khi giá bán của mặt hàng phân bón tại thị trường trong nước không tăng tương ứng, thậm chí còn giảm dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giảm đến 84,20%.

Hiện nay, tập thể Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đang cố gắng nỗ lực đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.

8. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có

9. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

10. **Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

11. **Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính được thể hiện trong báo cáo này không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối niên độ tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

Cũng theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Vào ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Cần Thơ, ngày 24 tháng 10 năm 2012

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM VĂN TUẤN



The red circular stamp contains the text: S.B.K.K.O. CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ Q. MINH KIỀU - TP. CẦN THƠ



Số. 05/2012/SVCT - BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO
KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/09/2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính riêng gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012, được lập ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ "Công ty" từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông Nghiệp Cần Thơ tại ngày 30/09/2012 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về kế toán có liên quan.



Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0325/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 24 tháng 10 năm 2012

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0462/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.007.116.321	646.817.610.993
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>v.1</i>	2.280.068.321	135.913.942.411
1. Tiền	111		2.280.068.321	135.913.942.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	<i>v.2</i>	16.968.490.720	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.968.490.720	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	<i>v.3</i>	138.521.370.748	119.722.463.791
1. Phải thu khách hàng	131		123.509.013.078	54.623.928.681
2. Trả trước cho người bán	132		14.211.677.592	60.685.455.148
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		800.680.078	4.413.079.962
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	<i>v.4</i>	130.121.742.092	372.082.172.380
1. Hàng tồn kho	141		130.121.742.092	379.883.887.560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7.801.715.180)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.115.444.440	19.099.032.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	17.274.687.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	<i>v.5</i>	1.592.444.440	1.592.444.440
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		523.000.000	231.900.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.567.394.353	188.248.271.430
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		99.211.379.977	102.892.257.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>v.6</i>	44.349.209.007	48.147.590.048
- Nguyên giá	222		74.865.288.700	74.539.588.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.516.079.693)	(26.391.998.652)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>v.7</i>	38.086.333.600	38.418.609.637
- Nguyên giá	228		40.231.961.029	40.231.961.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.145.627.429)	(1.813.351.392)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>v.8</i>	16.775.837.370	16.326.057.369
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	<i>v.9</i>	85.356.014.376	85.356.014.376
1. Đầu tư vào công ty con	251		83.310.359.376	83.310.359.376
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.045.655.000	2.045.655.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		474.574.510.674	835.065.882.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		328.512.450.159	640.114.149.228
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		328.512.450.159	640.114.149.228
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	318.614.529.843	613.142.388.530
2. Phải trả người bán	312	V.11	2.690.272.286	19.278.650.133
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	320.661.259	351.871.088
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.001.749.565	192.661.437
5. Phải trả người lao động	315		3.558.916.675	4.355.787.369
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	187.435.221	1.276.256.756
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		138.885.310	1.516.533.915
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.062.060.515	194.951.733.195
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	146.062.060.515	194.951.733.195
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	83.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.389.610.000	2.389.610.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.807.416.804)	(3.807.416.804)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		127.728.498	127.728.500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(588.034.729)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.122.831.970	58.122.831.970
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.953.486.997	26.953.486.997
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.853.330.146)	28.624.377.261
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		474.574.510.674	835.065.882.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
_ USD		32.593,00	3.974.258,94
_ EUR		283,56	291,75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Bùi Đức Hoàn
Người lập



Trần Xuân Điều
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh		Đơn vị tính: VND	
		Quý III năm 2012	Quý III năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	452.868.493.714	831.419.974.567	1.796.988.805.259	2.180.691.222.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	12.900.000	182.377.400	128.390.000
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	452.868.493.714	831.407.074.567	1.796.806.427.859	2.180.562.832.911
4. Giá vốn hàng bán	11	443.345.551.409	770.782.940.526	1.771.995.906.074	2.023.563.014.445
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	9.522.942.305	60.624.134.041	24.810.521.785	156.999.818.466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.450.807.660	423.766.797	25.415.274.731	7.168.841.651
7. Chi phí tài chính	22	10.309.934.670	24.043.299.164	68.167.767.681	69.731.099.520
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	9.849.562.502	20.104.406.471	64.213.246.711	62.160.097.358
8. Chi phí bán hàng	24	11.229.683.175	17.066.587.550	25.075.409.751	51.411.177.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.991.585.620	5.606.238.124	6.153.289.986	17.041.454.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(3.557.453.500)	14.331.776.000	(49.170.670.902)	25.984.928.418
11. Thu nhập khác	31	-	520.000.000	-	1.278.570.289
12. Chi phí khác	32	454.254	19.132.521	454.254	19.132.521
13. Lợi nhuận khác	40	(454.254)	500.867.479	(454.254)	1.259.437.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.557.907.754)	14.832.643.479	(49.171.125.156)	27.244.366.186
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	2.966.528.696	-	5.448.873.237
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.557.907.754)	11.866.114.783	(49.171.125.156)	21.795.492.949
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(444)	1.481	(6.136)	2.720


Bùi Đức Hoàn
 Người lập


Trần Xuân Diệu
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	9 tháng đầu năm 2012	9 tháng đầu năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.841.096.751.667	2.437.373.323.339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.771.123.970.222)	(2.391.661.027.004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.776.669.194)	(6.543.428.646)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(64.780.644.007)	(62.160.097.358)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(2.482.344.541)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	303.883.640.970	63.283.773.051
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(146.797.433.992)	(32.407.146.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	156.501.675.222	5.403.052.634
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.360.000)	(1.677.854.015)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.130.483.453)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.599.938.649	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.590.578.649	(9.808.337.468)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(3.807.416.804)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.845.464.221.397	2.232.939.591.703
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.139.095.640.666)	(2.258.483.948.995)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(208.082.250)	(8.103.032.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(293.839.501.519)	(37.454.806.846)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(133.747.247.648)	(41.860.091.680)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	135.913.942.411	96.688.028.894
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	113.373.558	(24.003.568)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.280.068.321	54.803.933.646



Bùi Đức Hoàn
Người lập



Trần Xuân Diệu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần thơ được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo Quyết định số 2500/QĐ – CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000, tương ứng 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 30/09/2012 là 83.129.150.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

Công ty CP Nông dược TSC (TSP);

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. *Ngành nghề kinh doanh*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

4. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:* không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm 2012 được bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/12/2012.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. *Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính".

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 " Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

Năm 2011, Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ theo Thông tư số 201/2009/TT – BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Sự khác biệt về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo VAS 10 và Thông tư 201 được mô tả như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư trong đầu kỳ kế toán tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ phải thu dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) có	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Trường hợp lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, hạch toán vào chi phí tài chính. Nếu ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần cho năm sau để

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

gốc ngoại tệ.		Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch lỗ còn lại sẽ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ vào chi phí tài chính cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm. Trường hợp lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.
---------------	--	---

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua. Toàn bộ chi phí thu mua như chi phí vận chuyển, bốc xếp được hạch toán thẳng vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- | | |
|-------------------------|--------|
| - Quyền sử dụng đất (*) | 48 năm |
| - Bản quyền nhãn thuốc | 01 năm |

(*) Đây là Quyền sử dụng đất kho Long An có thời hạn. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng các quyền sử dụng đất do công ty mua nhưng trên giấy CNQSD đất có ghi thời hạn Công ty chưa trích khấu hao với tổng nguyên giá là 18.788.718.549.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong 9 tháng đầu năm 2012, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng. Tại ngày 30/09/2012, Công ty không có số dư chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ.CPVTKTNN Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức ngày 21/03/2012. Tổng quỹ lương năm 2012 là 9.000.000.000. Trong 9 tháng đầu năm 2012, Công ty đã trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 4.625.000.000 tương đương 51,30% tổng quỹ lương cả năm 2012.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Việc ước tính này sẽ được thực hiện vào cuối năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty đã thôi trích Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Nghị định số 122/2011/NĐ - CP ngày 27/12/2011 do đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên. Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa chia cổ tức năm 2011.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập và tờ khai hải quan hàng xuất khẩu khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

12. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm 2012, Công ty không phát sinh thu nhập tính thuế cũng như chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Riêng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, căn cứ vào Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2011 đã được Công ty AISC soát xét.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Khoản mục</i>	<u>30-09-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Tiền mặt	218.757.953	282.021.998
Tiền gửi ngân hàng	2.061.310.368 (a)	135.631.920.413
Cộng	<u>2.280.068.321</u>	<u>135.913.942.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/09/2012 như sau:

Ngân hàng	USD	EUR	VND	Tương đương VND
- Vietcombank, CN. Cần Thơ	30.556,98	283,56	69.829.621	713.794.381
- Vietcombank, TP. HCM	-	-	1.212.711.172	1.212.711.172
- Các ngân hàng khác	2.036,02	-	92.394.217	134.804.815
Cộng	32.593,00	283,56	1.374.935.010	2.061.310.368

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Khoản mục	30-09-2012	01-01-2012
Đầu tư ngắn hạn	16.968.490.720 (b)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	16.968.490.720	-

(b) Chi tiết số dư đầu tư ngắn hạn vào ngày 30/09/2012 như sau:

Đối tượng	Số tiền
- Công ty con – Công ty CP Nông Dược TSC (vay)	16.968.490.720
Cộng	16.968.490.720

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	30-09-2012	01-01-2012
Phải thu khách hàng	123.509.013.078 (c)	54.623.928.681
Trả trước cho người bán	14.211.677.592 (d)	60.685.455.148
Các khoản phải thu khác	800.680.078 (e)	4.413.079.962
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Cộng	138.521.370.748	119.722.463.791

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 30/09/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền
- Phải thu khách hàng mua phân bón	24.245.024.125
- Phải thu khách hàng mua gạo	98.477.753.031
- Phải thu Công ty CP Nông Dược TSC	573.297.240
- Phải thu khách hàng khác	212.938.682
Cộng	123.509.013.078

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 30/09/2012 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Trả trước nhà cung cấp gạo	14.114.677.592
- Trả trước các nhà cung khác	97.000.000
Cộng	14.211.677.592

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 30/09/2012 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty CP Nông dược TSC	52.600.078
- Phòng quản lý đô thị Cái Răng	300.000.000
- Công ty điện báo điện thoại Cần Thơ	1.280.000
- Lê Thành Long	446.800.000
Cộng	800.680.078

4. Hàng tồn kho

<u>Khoản mục</u>	<u>30-09-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Hàng hóa tồn kho	130.121.742.092 (f)	379.883.887.560
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.801.715.180)
Cộng	130.121.742.092	372.082.172.380

(f) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 30/09/2012 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Phân bón	129.370.782.240
- Gạo	750.959.852
Cộng	130.121.742.092

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 7.801.715.180
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

<u>Khoản mục</u>	<u>30-09-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Thuế TNDN nộp thừa	1.592.444.440	1.592.444.440
Cộng	1.592.444.440	1.592.444.440

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2012</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>30-09-2012</u>
Nguyên giá	74.539.588.700	325.700.000	-	74.865.288.700
- Nhà cửa, vật kiến trúc	59.666.527.771	-	-	59.666.527.771
- Máy móc thiết bị	8.777.368.863	325.700.000	-	9.103.068.863
- Phương tiện vận tải	6.095.692.066	-	-	6.095.692.066
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-
Hao mòn lũy kế	26.391.998.652	4.124.081.041	-	30.516.079.693
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.381.833.638	3.545.592.468	-	19.927.426.106
- Máy móc thiết bị	6.558.128.390	256.523.838	-	6.814.652.228
- Phương tiện vận tải	3.452.036.624	321.964.735	-	3.774.001.359
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Loại tài sản	01-01-2012	Tăng	Giảm	30-09-2012
Giá trị còn lại	48.147.590.048			44.349.209.007
- Nhà cửa, vật kiến trúc	43.284.694.133			39.739.101.665
- Máy móc thiết bị	2.219.240.473			2.288.416.635
- Phương tiện vận tải	2.643.655.442			2.321.690.707
- Thiết bị quản lý	-			-

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 11.607.597.375
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/09/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.046.631.012
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/09/2012 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong 9 tháng đầu năm 2012 như sau:

	Số tiền
- Hệ thống khuôn sản xuất chai Pét	200.000.000
- Hệ thống PCCC kho Long An	109.700.000
- Hệ thống tời kho Long An	16.000.000
Cộng	325.700.000

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2012	Tăng	Giảm	30-09-2012
Nguyên giá	40.231.961.029	-	-	40.231.961.029
- Quyền sử dụng đất	40.095.597.394			40.095.597.394
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635			136.363.635
Hao mòn lũy kế	1.813.351.392	332.276.037	-	2.145.627.429
- Quyền sử dụng đất	1.813.351.392	332.276.037		2.145.627.429
- Bản quyền nhãn thuốc	-	-		-
Giá trị còn lại	38.418.609.637			38.086.333.600
- Quyền sử dụng đất	38.282.246.002			37.949.969.965
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635			136.363.635

Quyền sử dụng của Công ty hầu hết đều là đất có thời hạn sử dụng. Tuy nhiên, chỉ có quyền sử dụng đất tại kho Long An là có trích khấu hao trên tổng nguyên giá là 21.306.878.845. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giá trị bản quyền nhãn thuốc đến nay chưa được trích khấu hao. Công ty sẽ trích khấu hao vào cuối năm 2012.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	30-09-2012	01-01-2012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.775.837.370 (g)	16.326.057.369
Cộng	16.775.837.370	16.326.057.369

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/09/2012 như sau:

	Số tiền
- Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC	16.326.057.370
- Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	449.780.000
Cộng	16.775.837.370

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	30-09-2012		01-01-2012
Đầu tư vào công ty con	83.310.359.376	(h)	83.310.359.376
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000	(i)	2.045.655.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-		-
Cộng	85.356.014.376		85.356.014.376

(h) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 30/09/2012 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	31.483.800.000	97,27%	30.624.300.000	31.735.359.376
- Công ty CP Nông dược TSC	90.000.000.000	57,31%	51.575.000.000	51.575.000.000
Cộng	121.483.800.000		82.199.300.000	83.310.359.376

(i) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/09/2012 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
Cộng	40.500.000.000		2.025.000.000	2.045.655.000

10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	30-09-2012		01-01-2012
Vay và nợ ngắn hạn	318.614.529.843	(j)	613.142.388.530
Cộng	318.614.529.843		613.142.388.530

(j) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 30/09/2012 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Cần Thơ	4.726.881,00	98.451.477.468	59.555.250.000	158.006.727.468
- Vietcombank, CN Cần Thơ (Vay Chiết khấu)	1.988.274,00	41.411.783.369	-	41.411.783.369
- Vietinbank, CN Cần Thơ	-	-	90.898.750.000	90.898.750.000
- ACB bank, CN Cần Thơ	444.000,00	9.247.632.000	-	9.247.632.000
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	-	-	1.328.824.930	1.328.824.930
- Vay cá nhân – Trần Ngọc Điểm	-	-	17.720.812.076	17.720.812.076
Cộng	7.159.155,00	149.110.829.837	169.503.637.006	318.614.529.843

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

<i>Khoản mục</i>	<u>30-09-2012</u>		<u>01-01-2012</u>
Phải trả người bán	2.690.272.286	(k)	19.278.650.133
Người mua trả tiền trước	320.661.259	(l)	351.871.088
Cộng	3.010.933.545		19.630.521.221

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 30/09/2012 như sau:

<i>Nhà cung cấp</i>	<i>USD</i>	<i>VND</i>	<i>Tương đương VND</i>
- Cục Dự trữ Quốc Gia	-	760.044.407	760.044.407
- Công ty Agrifert S.A	91.781,00	-	1.911.622.166
- Các nhà cung cấp khác	-	18.605.713	18.605.713
Cộng	91.781,00	778.650.120	2.690.272.286

(l) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30/09/2012 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>USD</i>	<i>VND</i>	<i>Tương đương VND</i>
- Công ty TNHH Nguyễn Duy	-	211.999.998	211.999.998
- Các khách hàng khác	-	108.661.261	108.661.261
Cộng	-	320.661.259	320.661.259

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

<i>Khoản mục</i>	<u>30-09-2012</u>		<u>01-01-2012</u>
- Thuế GTGT	2.814.573.033		-
- Thuế thu nhập cá nhân	187.176.532		192.661.437
Cộng	3.001.749.565		192.661.437

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Khoản mục</i>	<u>30-09-2012</u>		<u>01-01-2012</u>
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	187.435.221	(m)	1.276.256.756
Cộng	187.435.221		1.276.256.756

(m) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 30/09/2012 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>Số tiền</i>
- KPCĐ	12.979.457
- Bộ thương mại	85.000.000
- Phải trả khác	89.455.764
Cộng	187.435.221

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

Khoản mục	01/01/2011	Tăng	Giảm	30/09/2012
- Vốn đầu tư của CSH	83.129.150.000	-	-	83.129.150.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.389.610.000	-	-	2.389.610.000
- Cổ phiếu quỹ	(3.807.416.804)	-	-	(3.807.416.804)
- Chênh lệch đánh giá lại ts	127.728.500	-	2	127.728.498
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(588.034.729)	7.833.291.045	7.245.256.316	
- Quỹ đầu tư phát triển	58.122.831.970	-	-	58.122.831.970
- Quỹ dự phòng tài chính	26.953.486.997	-	-	26.953.486.997
- LN sau thuế chưa PP	28.624.377.261	- 49.477.707.407		(20.853.330.146)
Cộng	194.951.733.195	7.833.291.045	56.722.963.725	146.062.060.515

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
Số lượng cổ phiếu quỹ: 300.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

(b) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	83.129.150.000	83.129.150.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	83.129.150.000	83.129.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) *Cổ phiếu*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.312.915	8.312.915
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	239.570
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	300.000	239.570
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.012.915	8.073.345
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.012.915	8.073.345
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu phân bón	1.401.756.754.057	1.391.432.622.287	10.324.131.770	0,74%
- Doanh thu gạo	391.917.072.485	380.352.911.552	11.564.160.933	2,95%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.132.601.317	210.372.235	2.922.229.082	93,28%
Doanh thu thuần	1.796.806.427.859	1.771.995.906.074	24.810.521.785	1,38%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.346.708.582	1.498.252.591
- Lãi CLTG hối đoái phát sinh	489.948.524	5.660.176.560
- Lãi chậm thanh toán	13.188.350.625	-
- Cổ tức	10.390.267.000	-
- Thu nhập tài chính khác	-	10.412.500
Cộng	25.415.274.731	7.168.841.651

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	64.213.246.711	62.160.097.358
- Lỗ CLTG hối đoái phát sinh, mua bán ngoại tệ	3.954.520.970	7.571.002.162
Cộng	68.167.767.681	69.731.099.520

4. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.547.904.150	1.590.369.843
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.981.758.459	-
- Chi phí bảo hành	124.282.088	19.050.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.372.483.237	34.755.042.181
- Chi phí bằng tiền khác	1.048.981.817	15.046.715.219
Cộng	25.075.409.751	51.411.177.243

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.898.218.228	8.007.418.623
- Chi phí vật liệu quản lý	-	275.533.669
- Chi phí đồ dùng văn phòng	100.757.220	107.520.412
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.074.548.253	4.219.989.408

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Khoản mục</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thuế, phí và lệ phí	30.445.455	181.855.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	519.372.481	1.412.179.776
- Chi phí bằng tiền khác	1.529.948.349	2.836.957.714
Cộng	6.153.289.986	17.041.454.936

6. Phân phối lợi nhuận

<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2012</i>	28.624.377.261
<i>Lỗ kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2012</i>	(49.171.125.156)
Nộp thuế TNCN (cổ tức 2010)	208.082.251
Chi các khoản chi sau thuế	98.500.000
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/09/2012</i>	(20.853.330.146)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai
 3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 30/09/2012, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Khu công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, TPCT	Công ty con
Công ty CP Nông dược TSC	Khu công nghiệp Đức Hòa, Long An	Công ty con
Ông Trương Tấn Lộc Bà Trần Ngọc Diễm		Thành viên HĐQT Vợ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	1.328.824.930
Công ty CP Nông dược TSC	Phải thu khách hàng	573.297.240
	Phải thu khác	52.600.078
	Cho vay ngắn hạn	16.968.490.720
Ông Trương Tấn Lộc	Phải thu khách hàng	1.947.258.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	17.720.812.076

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	105.216.605.090
	Cho vay và trả nợ vay	105.258.239.131
	Lãi vay	
Công ty CP Nông dược TSC	Cho vay	34.963.304.174
	Nhận trả nợ gốc vay	21.659.813.454
	Lãi cho vay	1.074.409.383
Ông Trương Tấn Lộc Bà Trần Ngọc Diễm	Doanh thu bán phân	149.500.000
	Vay ngắn hạn	17.720.812.076
	Trả nợ vay	16.616.409.518

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Riêng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, căn cứ vào Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2011 đã được Công ty AISC soát xét.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	61,11	77,46
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	38,89	22,54
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,22	76,65
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	30,78	23,35
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,44	1,30
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,88	1,01
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,06	0,21
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(2,70)	0,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(2,70)	0,73
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(10,36)	1,49
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(10,36)	1,19
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	(33,66)	5,09

Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2012

Người lập biểu



BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN DIỆU

Giám đốc



PHẠM VĂN TUẤN